TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HD** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 159 /2018/HS-ST
Ngày: 28/8/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HD, TỈNH HẢI DƯƠNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Phạm Thị Mai Hoa.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Hà Thị Thúy.**

2. Bà **Đặng Thị Hường**.

- *Thư ký phiên toà*: Bà **Đặng N Anh** - Thư ký Toà án nhân dân thành phố HD, tỉnh Hải Dương.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố HD, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà*: Bà **Bùi Thị Hậu** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố HD, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 119/2018/TLST-HS ngày 29 tháng 6 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 149 /2018/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 8 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Công D**, sinh năm: 1975; ĐKHKTT: Số 39/70/124 (nay là 41/33/112A) đường NQ, phường MC, quận NQ, thành phố HP; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 5/12; Con ông Nguyễn Công L (đã chết) và bà Quách Thị T; Gia đình có 03 anh em, D là con thứ 3.

Tiền sự**:** Không;

Tiền án: Tại Bản án số 147/HSST ngày 16/11/2000, Tòa án nhân dân quận NQ, thành phố HP xử phạt 36 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (Tài sản chiếm đoạt là 11.800.000đ), thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 12/7/2000. D phải bồi thường cho chị Cao Thị P 1.003.500đ, ông Phạm Quốc T 650.000đ, ông Bùi Đức T 710.000đ, ông Phạm Quốc H 830.000đ và phải nộp 50.000đ án phí hình sự sơ thẩm, 160.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Ngày 14/3/2008, D đã thi

hành xong án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm, còn các khoản bồi thường dân sự người được thi hành án không có đơn yêu cầu thi hành án.

(Quyết định tổng hợp hình phạt số 01/QĐ ngày 02/4/2001 của Tòa án nhân dân thành phố HP, tổng hợp hình phạt của Bản án số 147 ngày 16/11/2000 của Tòa án nhân dân quận NQ với Bản án số 109 ngày 17/11/2000 củaTòa án nhân dân huyện AH, D phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 54 tháng tù, thời hạn tính từ ngày 12/7/2000), ra trại 12/3/2004.

Nhân thân:

+ Tại Bản án số 134/HSST ngày 21/9/1996, Tòa án nhân dân quận NQ, thành phố HP xử phạt Nguyễn Công D 36 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (tài sản chiếm đoạt là 5.800.000đ), thời hạn tính từ ngày bị bắt tạm giam 12/7/1996. D phải chịu 50.000đ án phí HSST (chấp hành xong hình phạt tù ngày 12/3/1999 và nộp án phí ngày 15/8/2002).

+ Tại Bản án số 109/HSST ngày 17/11/2000, Tòa án nhân dân huyện AH, thành phố HP xử phạt Nguyễn Công D 18 tháng về tội Đánh bạc (Số tiền đánh bạc 6.452.000đ), thời hạn tù tính từ ngày 13/7/2000. D phải chịu 50.000đ án phí HSST. (Quyết định tổng hợp hình phạt số 01/QĐ ngày 02/4/2001 của Tòa án nhân dân thành phố HP, tổng hợp hình phạt của Bản án số 147 ngày 16/11/2000 của Tòa án nhân dân quận NQ với Bản án số 109 ngày 17/11/2000 của Tòa án nhân dân huyện AH, D phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 54 tháng tù, thời hạn tính từ ngày 12/7/2000), ra trại 12/3/2004; về án phí: Tại Phiếu trả lời xác minh số 51/PTLXM-CCTHA ngày 07/5/2018, Chi cục Thi hành án dân sự huyện AD, Thành phố HP xác định: Năm 2003, huyện AH tách thành quận HA và huyện AD, tất cả các hồ sơ thi hành án dân sự của huyện AH cũ nay thuộc địa bàn huyện AD do chi cục Thi hành án huyện AD lưu trữ. Qua tra cứu, rà soát toàn bộ hồ sơ không có hồ sơ thi hành án mang tên Nguyễn Công D bị xét xử tại Bản án số 109 ngày 17/11/2000 của Tòa án nhân dân huyện AH, Thành phố HP.

+ Tại Bản án số 277/HSST ngày 28/8/2006, Tòa án nhân dân quận LC, Thành phố HP xử phạt 36 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (tại bản án này D bị tạm giữ từ ngày 21/4/2006 đến 27/4/2006).

+ Tại Bản án số 54/HSST ngày 19/4/2007, Tòa án nhân dân thành phố HD xử phạt 39 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, tính từ ngày bắt thi hành án (Tài sản chiếm đoạt 37.000.000đ).

+ Tại Bản án số 67/HSST ngày 27/7/2011, Tòa án nhân dân quận NQ, Thành phố HP xử phạt 30 tháng tù về tội Đánh bạc (Số tiền đánh bạc

5.760.000đ). Tổng hợp 71 tháng 05 ngày tù theo Quyết định số 06/2007/QĐ ngày 19/6/2007 của Tòa án nhân dân thành phố HD tổng hợp của nhiều bản án, D phải chấp hành hình phạt chung là 101 tháng 5 ngày tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

+ Tại Bản án số 31/2014/HSST ngày 21/2/2014, Tòa án nhân dân quận BĐ, thành phố HN xử phạt 9 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Tổng hợp với hình phạt của Bản án số 67/2011/HSST ngày 27/11/2011 của Tòa án nhân dân quận NQ, thành phố HP xử phạt bị cáo 101 tháng 05 ngày tù, mà bị cáo chưa chấp hành hình phạt. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 17 năm 05 tháng 05 ngày tù, thời hạn tù tính từ ngày 26/9/2013.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 16/8/2006 đến ngày 18/8/2006 chuyển tạm giam theo Lệnh tạm giam số 14 ngày 18/8/2006; Ngày 19/8/2006 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 35 ngày 19/8/2006 của Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện NS.

Hiện bị cáo đang chấp hành án tại Trại giam Thanh Cẩm, Thanh Hóa theo Bản án số 31/2014/HSST ngày 21/2/2014 của Tòa án nhân dân quận BĐ, Thành phố HN, thời hạn tù tính từ ngày 26/9/2013.

- *Người bị hại*:

+ Anh Lưu Văn N, sinh năm 1962; ĐKHKTT: thôn Tiến Đạt, phường Ái Quốc, thành phố HD, tỉnh Hải Dương.

+ Anh Nguyễn Đình H, sinh năm 1966; ĐKHKTT: thôn Ninh Quan, phường Ái Quốc, thành phố HD, tỉnh Hải Dương.

+ Anh Đỗ Bình L, sinh năm 1981; ĐKHKTT: thôn Vũ Thượng, phường Ái Quốc, thành phố HD, tỉnh Hải Dương.

Các người bị hại đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

+ Anh Phạm Văn T, sinh năm 1985; ĐKHKTT: An Sơn, NS, Hải Dương.

+ Anh Nguyễn Huy Th, sinh năm 1983; ĐKHKTT: Thanh Quang, NS, Hải Dương.

(Vắng mặt những người làm chứng)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong các ngày 24/7/2006 đến 16/8/2006, Nguyễn Công D và Trần Văn N - sinh năm 1963, trú tại: 62/118 Hàng Kênh, phường Hàng Kênh, quận LC, HP có quen biết nhau từ trước, rủ nhau đến khu vực Tiền Trung, xã Ái Quốc, huyện

NS, Hải Dương (nay thuộc phường Ái Quốc, thành phố HD) thực hiện 03 vụ trộm cắp, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 06h ngày 24/7/2006, Trần Văn N điều khiển xe mô tô Wave màu xanh, biển kiểm soát 16K6-9679 chở Nguyễn Công D từ HP đến khu vực Tiền Trung- NS (nay thuộc phường Ái Quốc – thành phố HD) mục đích trộm cắp xe mô tô. Khoảng 6h30' cùng ngày, N và D vào quán ăn của chị Vũ Thị Th, trú tại Tiền Trung, Ái Quốc, thành phố HD để ăn sáng, D và N phát hiện thấy anh Lưu Văn N, trú tại Tiến Đạt, Ái Quốc, Hải Dương điều khiển xe mô tô Dream, biển kiểm soát 34K4-2158 đến và dựng xe mô tô ở trước cửa quán ăn sáng của chị T rồi vào trong quán ăn sáng. N đưa chìa khóa xe mô tô của N cho D và bảo D lấy xe mô tô ra trước. Còn N đi đến vị trí xe mô tô của anh N, dùng vam phá khóa mang theo phá ổ khóa điện rồi nổ máy, điều khiển xe đi ra Quốc lộ 5A, D điều khiển xe mô tô của N đi theo sau. N và D điều khiển xe về HP, gặp anh Nguyễn Văn Đ, trú quán ở chợ Hàng, Lê Chân, HP, bán cho Đ chiếc xe mô tô của anh N với giá 3.000.000đ. Số tiền này D và N chia đều cho nhau chi tiêu hết.

Tại Kết luận định giá tài sản số 18/KLĐGTS ngày 06/9/2006, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - UBND huyện NS, kết luận xe mô tô Dream (Honda Việt Nam), biển kiểm soát 34K4-2158 , giá trị còn lại 60%, giá trị 10.500.000đ (Mười triệu năm trăm ngàn đồng).

Vụ thứ hai: Khoảng 08h30' ngày 27/7/2006, Trần Văn N điều khiển xe mô tô Wave màu xanh, biển kiểm soát 16K6-9679 chở Nguyễn Công D từ HP đến khu vực Tiền Trung- NS (nay thuộc phường Ái Quốc – thành phố HD) mục đích trộm cắp xe mô tô. Khoảng 9h30' cùng ngày, N chở D rẽ vào đường 183 cách ngã ba Tiền Trung – thành phố HD khoảng 800m gần bệnh viện Tiền Trung thì phát hiện phía bên phải đường 183 tại một lán lợp bằng bạt có dựng một số xe mô tô của những người thợ xây dựng công trình, lợi dụng sơ hở, N đỗ xe canh gác, còn D đi bộ vào chỗ để xe, dùng vam phá ổ khóa điện lấy xe mô tô Wave màu xanh, biển kiểm soát 34K9-2851 của anh Nguyễn Đình H, trú tại: Ái Quốc, thành phố HD, rồi điều khiển xe ra Quốc lộ 5A đi về HP, còn N điều khiển xe mô tô của N đi theo sau. Cả hai gặp anh Nguyễn Văn Đ và bán cho Đ chiếc xe mô tô của anh H với giá 3.000.000đ. Số tiền này D và N chi tiêu hết.

Tại Kết luận định giá tài sản số 18/KLĐGTS ngày 06/9/2006, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - UBND huyện NS, kết luận Wave màu xanh, biển kiểm soát 34K9-2851, giá trị còn lại 80%, giá trị 8.000.000đ (Tám triệu đồng).

Vụ thứ ba: Chiều ngày 15/8/2006, D hẹn N đón D vào sáng 16/8/2006, mục đích để đi về Hải Dương trộm cắp xe máy, N đồng ý. Khoảng 7h30' ngày 16/8/2006, Trần Văn N tiếp tục điều khiển xe mô tô Wave màu xanh, biển kiểm soát 16K6-9679 chở D đến khu vực Tiền Trung- NS (nay thuộc phường Ái Quốc - thành phố HD) mục đích trộm cắp xe mô tô. Khi đi, D chuẩn bị công cụ phá khóa xe mô tô để vào trong một chiếc cặp da màu đen. Khi đến khu vực Tiền Trung thì phát hiện xe mô tô Wave màu đỏ, biển kiểm soát 34L9-3135 của anh Đỗ Bình L, trú tại: Ái Quốc - thành phố HD dựng ở lề đường Quốc lộ 5A hướng HP đi Hà Nội. N điều khiển xe vượt lên khoảng hơn 10m và dừng lại, D xuống xe và cầm theo 01 vỏ bao đựng kính bên trong có vam phá khóa và dùng vam phá ổ khóa điện xe mô tô anh L, rồi nổ máy điều khiển xe chạy theo hướng HP đi Hà Nội theo Quốc lộ 5A. Anh Đỗ Bình L và một số người phát hiện nên dùng xe mô tô đuổi theo D. D điều khiển xe được khoảng 1km thì xe hết xăng, D bỏ xe lại, lên xe máy của N để bỏ chạy đến khu vực ngã tư Bến Hàn, thành phố HD thì bị bắt giữ.

Tại Kết luận định giá tài sản số 18/KLĐGTS ngày 06/9/2006, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - UBND huyện NS, kết luận xe mô tô Wave màu đỏ, biển kiểm soát 34L9-3135, giá trị còn lại 90%, giá trị 11.800.000đ (Mười một triệu tám trăm ngàn đồng).

Trong quá trình điều tra, bị cáo Nguyễn Công D bị bệnh hiểm nghèo nên Cơ quan CSĐT Công an huyện NS đã tạm đình chỉ điều tra vụ án, tạm đình chỉ điều tra bị cáo đối với D để chữa bệnh.

Tại Cáo trạng số 127/CT-VKSTPHD ngày 24/6/2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố HD, tỉnh Hải Dương truy tố Nguyễn Công D về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra.

Người bị hại anh Lưu Văn N, anh Nguyễn Đình H, anh Đỗ Bình L có đơn xin xét xử vắng mặt, xác định về trách nhiệm dân sự đã được xem xét tại Bản án số 48/2006/HSST ngày 27/12/2006 của Tòa án nhân dân huyện NS, tỉnh hải Dương nên không đề nghị xem xét. Về trách nhiệm hình sự đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện VKSND thành phố HD giữ quyền công tố tại phiên tòa trình bày quan điểm thay đổi nội dung cáo trạng truy tố bị cáo Nguyễn Công D về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015

sửa đổi bổ sung năm 2017 vì không đủ căn cứ truy tố bị cáo theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 BLHS, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Công D phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Về hình phạt chính: Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s,r khoản 1, Điều 51, điểm g,h khoản 1 Điều 52, Điều 55, khoản 1 Điều 56, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Nguyễn Công D từ 02 năm đến 02 năm 03 tháng tù được trừ 03 ngày tạm giữ, bị cáo còn phải chấp hành 01 năm 11 tháng 27 ngày tù đến 02 năm 02 tháng 27 ngày tù. Tổng hợp với Bản án số 31/2014/HSST ngày 21/02/2014 của Tòa án nhân dân quận BĐ, thành phố HN xử phạt bị cáo 17 năm 05 tháng tù 05 ngày tù, thời hạn tù tính từ ngày 26/9/2013. Buộc bị cáo phải chấp hành chung hình phạt của 02 bản án là 19 năm 05 tháng 02 ngày tù đến 19 năm 08 tháng 02 ngày tù được trừ đi 04 năm 11 tháng 01 ngày tù đã chấp hành kể từ ngày 26/9/2013 đến ngày 27/8/2018 của Bản án số 31/2014/HSST ngày 21/02/2014 của Tòa án nhân dân quận BĐ, thành phố HN. Bị cáo còn phải chấp hành hình phạt chung của 2 bản án là 14 năm 06 tháng 01 ngày đến 14 năm 09 tháng 01 ngày. Thời hạn tù tính từ ngày tuyên bản án sơ thẩm (ngày 28/8/2018).

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng;

Về trách nhiệm dân sự và vật chứng đã được xem xét tại Bản án số 48/2006/HSST ngày 27/12/2006 của Tòa án nhân dân huyện NS, tỉnh Hải Dương nên không xem xét.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Đối với hành vi của Trần Văn N đã được Tòa án nhân dân huyện NS đưa ra giải quyết về hình phạt, về vật chứng, về trách nhiệm dân sự và các vấn đề khác tại Bản án số 48/2006/HSST ngày 27/12/2006.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của bị cáo Nguyễn Công D tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai người bị hại, người làm chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận:

Trong các ngày 24/7/2006, 27/7/2006, 16/8/2006 tại khu vực Tiền Trung, phường Ái Quốc, thành phố HD, Nguyễn Công D cùng Trần Văn N lợi dụng sơ hở dùng vam phá khóa ổ điện trộm cắp 01 xe mô tô nhãn hiệu Dream, biển kiểm soát 34K4-2158 của anh Lưu Văn N, trị giá 10.500.000đ ; 01 xe mô tô Wave màu xanh, biển kiểm soát 34K9-2851 của anh Nguyễn Đình H, trị giá 8.000.000đ; 01xe mô tô Wave màu đỏ, biển kiểm soát 34L9-3135 của anh Đỗ Bình L, trị giá 11.800.000đ. Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 30.300.000 đồng (*Ba mươi triệu ba trăm ngàn đồng).* Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật hình sự nhưng do cần tiền để tiêu xài, lại lười lao động nên bị cáo vẫn cố ý lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác, giá trị tài sản chiếm đoạt là 30.300.000đ nên hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Trong quá trình truy tố, Viện kiểm sát nhân dân thành phố HD truy tố bị cáo Nguyễn Công D về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 với tình tiết định khung "Tái phạm nguy hiểm". Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố HD thực hành quyền công tố đã quyết định thay đổi truy tố bị cáo từ điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 sang khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Hội đồng xét xử xem xét việc thay đổi quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố HD thì thấy: Tại Bản án số 134/HSST ngày 21/9/1996, Tòa án nhân dân quận NQ, thành phố HP xử phạt Nguyễn Công D 36 tháng tù về tội trộm cắp tài sản. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 12/3/1999 và nộp án phí ngày 15/8/2002. Do vậy, áp dụng tinh thần có lợi cho bị cáo và theo quy định tại Điều 70, Điều 73 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 thì thời hạn để tính xóa án tích cho bị cáo đối với bản án này tính từ ngày bị cáo chấp hành xong hình phạt chính tại Bản án số 147/HSST ngày 16/11/2000 của Tòa án nhân dân quận NQ, thành phố HP và Bản án số 109/HSST ngày 17/11/2000 của Tòa án nhân dân huyện AH, thành phố HP (ngày 12/3/2004). Hành vi phạm tội của bị cáo xảy ra vào ngày 24/7/2006, 27/7/2006, 16/8/2006, do đó, tại thời điểm bị cáo thực hiện hành vi phạm tội thì bị cáo đã được đương nhiên xóa án. Do vậy, bị cáo chỉ còn 01 tiền án tại Bản án số 147/HSST ngày 16/11/2000 của Tòa án nhân dân quận NQ, thành phố HP nên lần phạm tội này bị cáo không thuộc trường hợp "Tái phạm nguy hiểm" theo quy định tại điểm g

khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố HD thay đổi quyết định truy tố là có căn cứ chấp nhận. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thành phố HD truy tố bị cáo về tội danh và điều luật như trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo xảy ra trong các ngày 24/7/2006, 27/7/2006, 16/8/2006 được đưa ra xét xử vào ngày 28/8/2018 là thời điểm Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 đã có hiệu lực thi hành, do vậy Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 để quyết định hình phạt đối với bị cáo là phù hợp.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu tới tình hình trật tự, an ninh tại địa phương. Bản thân bị cáo đã nhiều lần bị Tòa án xét xử về hành vi trộm cắp tài sản nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để rèn luyện, tu dưỡng bản thân mà lại cố ý thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Vì vậy, cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt biết tôn trọng và chấp hành pháp luật

[3] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về nhân thân: Bị cáo Nguyễn Công D đã nhiều lần bị Tòa án đưa ra xét xử, chưa chấp hành xong hình phạt bị cáo lại tiếp tục thực hiện nhiều hành vi phạm tội và hiện vẫn đang chấp hành án tại Trại giam Thanh Cẩm, Thanh Hóa nên xác định bị cáo có nhân thân xấu.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Tại Bản án số 147/HSST ngày 16/11/2000, Tòa án nhân dân quận NQ, thành phố HP xử phạt bị cáo Nguyễn Công D 36 tháng tù về tội trộm cắp tài sản. Bị cáo chấp hành xong hình phạt ngày 12/3/2004, đến ngày 14/3/2008 bị cáo mới thi hành xong án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm. Theo quy định tại Điều 70 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 bị cáo chưa được xóa án tích. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Tái phạm" quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017; Bị cáo thực hiện 03 hành vi trộm cắp tài sản, mỗi hành vi đều có giá trị trên 2.000.000đ nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Phạm tội hai lần trở lên" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình và tự khai ra hành vi cùng N thực hiện vào ngày 24/7/2006 và ngày 27/7/2006 nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, r khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Do đó, Hội đồng

xét xử xem xét để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện sự nhân đạo của pháp luật.

[4] Bị cáo đang chấp hành hình phạt tù tại Bản án số 31/2014/HSST ngày 21/02/2014 của Tòa án nhân dân Quận BĐ, bản án đã có hiệu lực pháp luật, nên cần áp dụng khoản 1 Điều 56 BLHS để tổng hợp hình phạt. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của nhiều bản án.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự và vật chứng đã được xem xét tại Bản án số 48/2006/HSST ngày 27/12/2006 của Tòa án nhân dân huyện NS, tỉnh Hải Dương nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Bị cáo bị kết án có tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Các vấn đề khác: Đối với hành vi của Trần Văn N đã được Tòa án nhân dân huyện NS đưa ra giải quyết về hình phạt, về vật chứng, về trách nhiệm dân sự và các vấn đề khác tại Bản án số 48/2006/HSST ngày 27/12/2006 nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố HD, Điều tra viên, VKSND thành phố HD, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm s, r khoản 1 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52, Điều 55, khoản 1 Điều 56, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Công D phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Công D 02 *(hai)* năm tù được trừ 03 *(ba)* ngày tạm giữ, bị cáo còn phải chấp hành 01*(một)* năm 11 *(mười một)*

tháng 27 *(hai mươi bảy)* ngày tù. Tổng hợp với Bản án số 31/2014/HSST ngày 21/02/2014 của Tòa án nhân dân quận BĐ, thành phố HN xử phạt bị cáo 17 *(mười bảy)* năm 05 *(năm)* tháng tù 05 *(năm)* ngày tù, thời hạn tù tính từ ngày 26/9/2013. Buộc bị cáo phải chấp hành chung hình phạt của 02 bản án là 19 *(mười chín)* năm 05 *(năm)* tháng 02 *(hai)* ngày tù, được trừ đi 04 *(bốn)* năm 11 *(mười một)* tháng 01 *(một)* ngày tù đã chấp hành (kể từ ngày 26/9/2013 đến ngày 27/8/2018) tại Bản án số 31/2014/HSST ngày 21/02/2014 của Tòa án nhân dân quận BĐ, thành phố HN, bị cáo còn phải chấp hành là 14 *(mười bốn)* năm 06 *(sáu)* tháng 01*(một)* ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày tuyên bản án sơ thẩm (ngày 28/8/2018).

3. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Công D phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 28/8/2018), người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- VKSND thành phố HD;
- Cơ quan CSĐT - Công an TP HD;
- Chi cục THADS thành phố HD;
- Trại giam Thanh Cẩm, Thanh Hóa;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Mai Hoa